

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ TÀI CHÍNH ĐƯƠNG KIỆN
Số: 46.14
Ngày: 9/8/2013

Số: 1239/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 08 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển sản xuất rau an toàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011- 2015, định hướng đến năm 2020

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 2728/QĐ- UBND ký ngày 15/12/2010 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí Dự án "Quy hoạch phát triển sản xuất rau an toàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 67/TTr-SNN ngày 28/5/2013; biên bản họp Hội đồng thẩm định dự án Quy hoạch phát triển rau an toàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020 ngày 15/01/2013, Văn bản số 789/SNN-KHTC ngày 01/8/2013 của Sở Nông nghiệp và PTNT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển rau an toàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020 với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Quy hoạch phát triển rau an toàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Kạn.

3. Quan điểm và mục tiêu quy hoạch phát triển

3.1. Quan điểm

- Quy hoạch phát triển theo hướng ổn định, lâu dài với quy mô lớn, tập trung, chuyên canh trên cơ sở khai thác các lợi thế về: điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và thị trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Quy hoạch phải gắn với đầu tư cho khoa học - công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng được yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) khi tiêu thụ trên thị trường. Từ đó làm cơ sở cho việc hình thành và mở rộng các vùng sản xuất rau an toàn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

09/8/2013

- Lưu.
- P.T.C.N.
O.L.N.

M.L.N.

- Quy hoạch phải gắn với tổ chức quản lý sản xuất và tiêu thụ sản phẩm rau và rau an toàn theo nhiều hình thức khác nhau (liên doanh, liên kết, hợp đồng bao tiêu sản phẩm...) để gắn kết giữa sản xuất và thị trường.

3.2. Mục tiêu phát triển

3.2.1. Mục tiêu chung

- Hình thành được các vùng sản xuất rau, rau an toàn với quy mô ngày càng lớn, nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong tỉnh, từng bước nâng cao chất lượng sản lượng, cung cấp cho thị trường ngoài tỉnh và hướng tới xuất khẩu.

- Góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng Công nghiệp hóa hiện đại hóa (CNH-HĐH) nông nghiệp, nông thôn, từng bước đưa nghề sản xuất rau tại các vùng quy hoạch trở thành một nghề có thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh Bắc Kạn.

- Từng bước nâng cao giá trị kinh tế trên đơn vị diện tích, tạo thêm nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động, góp phần bảo vệ sức khỏe cho người sản xuất, người tiêu dùng và môi trường sinh thái.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2012 - 2015:

- Mở rộng diện tích rau, an toàn, rau bản địa trên địa bàn tỉnh, phấn đấu đến năm 2015 diện tích gieo trồng rau đạt 1.990 ha, sản lượng ước đạt 31.300 tấn. Trong đó:

+ Diện tích gieo trồng rau tại các vườn gia đình 1.400 ha, năng suất 15 tấn/ha, sản lượng 21.000 tấn.

+ Diện tích gieo trồng rau tập trung 300 ha, năng suất 19,5 tấn/ha, sản lượng 5.875 tấn.

+ Diện tích gieo trồng rau an toàn 240 ha, năng suất 18 tấn/ha, sản lượng 4.300 tấn.

+ Diện tích gieo trồng rau bản địa 05 ha, năng suất 25 tấn/ha, sản lượng 125 tấn.

- Giá trị sản xuất đạt xấp xỉ 298 tỷ đồng/năm.

- Xây dựng được chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ rau an toàn được kiểm tra giám sát, đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Từng bước xây dựng được vùng sản xuất rau chuyên canh, tập trung, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, kết hợp đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn.

b) Giai đoạn 2016 - 2020:

- Mở rộng diện tích rau, an toàn, rau bản địa trên địa bàn tỉnh, đến năm 2020 diện tích gieo trồng rau đạt 2.500 ha, sản lượng ước đạt 43.100 tấn. Trong đó:

+ Diện tích gieo trồng rau tại các vườn gia đình 1.750 ha, năng suất 16 tấn/ha, sản lượng 28.000 tấn. Trong đó 50% diện tích canh tác theo quy trình an

toàn, 50% diện tích sản xuất theo hướng an toàn.

+ Diện tích gieo trồng rau an toàn 750 ha, năng suất trên 38 tấn/ha, sản lượng 28.900 tấn, chiếm 67,1%.

+ Diện tích gieo trồng rau bản địa 08 ha, năng suất 25 tấn/ha, sản lượng 200 tấn, chiếm 0,4%.

- Giá trị sản xuất đạt xấp xỉ 500 tỷ đồng/năm.

4. Nội dung quy hoạch

4.1. Tiêu chí xác định vùng quy hoạch sản xuất tập trung rau, rau an toàn và rau bản địa trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Vùng được lựa chọn quy hoạch phát triển sản xuất tập trung rau, rau an toàn và rau bản địa phải đạt được các tiêu chí về vị trí, điều kiện đất đai, nguồn nước theo quyết định số 59/2012/TT-BNNPTNT ký ngày 09 tháng 11 năm 2012. Ngoài ra, vùng quy hoạch phải đạt được các yêu cầu sau:

- Quy mô diện tích vùng quy hoạch phải tập trung từ 01 ha trở lên.

- Vùng quy hoạch phải có địa hình tương đối bằng phẳng, nếu được đầu tư cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng sẽ thuận tiện cho phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo hướng sản xuất hàng hóa chuyên canh, tập trung.

- Diện tích đất vùng lựa chọn không nằm trong quy hoạch cho các mục đích khác ít nhất là 10 năm.

4.2. Địa điểm, quy mô và đất quy hoạch sản xuất rau, RAT và rau bản địa

- Khai thác hợp lý quỹ đất có khả năng quy hoạch của từng địa phương, trên cơ sở đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về xây dựng hạ tầng kỹ thuật cần thiết cho sản xuất rau, đảm bảo sản lượng rau đủ đáp ứng nhu cầu của thị trường. Cụ thể dự kiến quỹ đất dùng cho quy hoạch sản xuất rau với tổng diện tích sản xuất là 905,0 ha, bao gồm:

+ Diện tích sản xuất rau trong các vườn hộ gia đình: 700,0 ha

+ Diện tích sản xuất rau an toàn tập trung: 297,0 ha

+ Diện tích sản xuất rau bản địa: 8,0 ha

- Phương án quy hoạch, chuyển đổi đất sản xuất rau, RAT và rau bản địa:

+ Duy trì và cải tạo các vùng sản xuất rau hiện có, hỗ trợ kỹ thuật để định hướng cho 700 ha rau sản xuất tại các vườn hộ gia đình theo hướng an toàn.

+ Duy trì và cải tạo diện tích đang sản xuất rau (157 ha) đảm bảo tiêu chí quy hoạch sang sản xuất rau an toàn tập trung, đồng thời chuyển đổi 48 ha đất cây trồng khác sang sản xuất rau an toàn, rau bản địa để nâng tổng diện tích sản xuất rau an toàn tập trung và rau bản địa đạt 205 ha.

4.3. Phương án quy hoạch vùng rau và rau an toàn(RAT)

- Quy hoạch phát triển RAT theo mức độ sử dụng đất: Căn cứ vào thực thể sản xuất, vị trí đất đai, điều kiện thực tiễn vùng quy hoạch và khả năng đầu tư, cải tạo sử dụng cho sản xuất RAT mà phương án quy hoạch chia ra làm 2 mức sử dụng như sau:

+ Mức một chuyên canh sản xuất rau, rau an toàn (sản xuất quanh năm) với tổng diện tích sản xuất là 205ha từ các nguồn: Duy trì diện tích 30ha chuyên canh sản xuất rau tập trung hiện có; chuyển đổi 127 ha diện tích luân canh rau với cây trồng khác và chuyển đổi 48ha đất trồng lúa, trồng màu sang đất chuyên trồng rau.

+ Mức hai luân canh sản xuất rau với cây trồng khác có diện tích quy hoạch là 700ha chủ yếu là đất sản xuất rau tại các vườn hộ gia đình.

- Quy hoạch theo mức độ sử dụng công nghệ cho tổng diện tích sản xuất tập trung của tỉnh 205 ha dự kiến như sau:

+ Diện tích rau, rau an toàn được áp dụng theo hướng sử dụng công nghệ tiên tiến là 10 ha vào năm 2015 và 12 ha vào năm 2020.

+ Diện tích rau, rau an toàn sử dụng các tiến bộ kỹ thuật dự kiến là 175 ha vào năm 2015 và 193 ha vào năm 2020.

5. Các nội dung thực hiện phương án quy hoạch

5.1. Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng các vùng rau an toàn

- Cải tạo và xây dựng hệ thống thủy lợi cho vùng quy hoạch

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông nội đồng

- Cải tạo và xây dựng hệ thống chuyển tải điện

- Xây dựng bể chứa vỏ bao bì thuốc BVTV

- Xây dựng các hạng mục hạ tầng cơ sở cần thiết cho sản xuất rau an toàn ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ như: Xây dựng các loại hình nhà lưới, nhà vòm với quy mô thích hợp để phục vụ sản xuất cây giống, rau mầm, rau trái vụ và rau quanh năm; xây dựng nhà sơ chế sản phẩm, nhà điều hành, nhà kho bảo quản và đóng gói sản phẩm...

5.2. Đầu tư cho khoa học công nghệ và khuyến nông, đào tạo, chuyển giao công nghệ

- Đầu tư xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất rau, rau an toàn và rau bản địa.

- Đầu tư đào tạo, tập huấn cho cán bộ, nông dân về kỹ thuật sản xuất rau an toàn và tổ chức phát triển vùng sản xuất rau chuyên canh tập trung.

5.3. Đầu tư cho xây dựng thị trường và xúc tiến thương mại

- Đầu tư củng cố và xây dựng hệ thống kênh tiêu thụ cho các vùng sản xuất rau

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin, dự báo thị trường

- Đầu tư xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại về rau an toàn cho vùng quy hoạch

5.4. Đầu tư xây dựng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm rau an toàn

- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cho vùng sản xuất rau an toàn
- Quản lý và giám sát quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm rau an toàn
- Xây dựng cơ sở kiểm định chất lượng sản phẩm rau.
- Tổ chức thực hiện giám sát sản xuất và kinh doanh rau an toàn.

6. Giải pháp thực hiện

6.1. Nhóm giải pháp về đầu tư cơ sở hạ tầng cho vùng quy hoạch

6.1.1. Cải tạo và xây dựng hệ thống thủy lợi cho vùng quy hoạch

Các hình thức đầu tư, xây dựng hệ thống thủy lợi tại các vùng rau, rau an toàn và rau bản địa:

- Hình thức 1: Sử dụng nguồn nước mặt với hệ thống trạm bơm và kênh dẫn tự chảy, kết hợp với xây dựng các bể chứa nhỏ tại các vùng rau an toàn để cung cấp nước tưới chủ động cho quá trình sản xuất.

- Hình thức 2: Sử dụng nguồn nước ngầm cung cấp cho sản xuất rau an toàn. Hình thức này yêu cầu phải đầu tư xây mới giếng khoan lớn, hệ thống bể lắng lọc và đường ống dẫn khép kín rất thuận lợi cho việc áp dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất.

6.1.2. Nâng cấp và hoàn chỉnh hệ thống giao thông nội đồng cho vùng quy hoạch sản xuất rau, rau an toàn tập trung.

6.1.3. Cải tạo và xây dựng hệ thống truyền tải điện cho vùng quy hoạch sản xuất rau, rau an toàn tập trung.

6.1.4. Xây dựng bể chứa vỏ bao bì thuốc BVTV cho vùng quy hoạch.

6.1.5. Đầu tư xây dựng các hạng mục cơ sở hạ tầng cần thiết để phát triển vùng quy hoạch theo hướng ứng dụng công nghệ tiên tiến

- Xây dựng các loại hình nhà lưới, nhà vòm với quy mô thích hợp để phục vụ sản xuất cây giống rau, rau mầm, rau an toàn trái vụ và quanh năm.

- Xây dựng nhà sơ chế, bảo quản đóng gói sản phẩm, kho lạnh và nhà giao dịch tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng nhà xưởng và sân phơi để sản xuất giá thể cung cấp cho sản xuất cây con giống và rau mầm.

6.2. Đầu tư cho khoa học công nghệ và khuyến nông

6.2.1. Đầu tư xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất rau, rau an toàn.

- Các hình thức thử nghiệm tiên bộ kỹ thuật trong sản xuất rau, RAT như sản xuất cây con giống theo quy mô công nghiệp; ứng dụng công nghệ nhà lưới và kỹ thuật vòm che sản xuất rau nguồn gốc ôn đới trong mùa hè (trái vụ); ứng dụng 30 quy trình sản xuất rau an toàn để sản xuất rau tự nhiên ngoài đồng ruộng, nhằm cải thiện độ phì đất, nâng cao năng suất chất lượng rau, đảm bảo tiêu chuẩn rau an toàn...

- Các mô hình ứng dụng tiên bộ kỹ thuật mới trong sản xuất rau, RAT

+ Xây dựng mô hình sản xuất cây con giống rau:

+ Xây dựng mô hình sản xuất rau mâm, rau non cao cấp:

+ Xây dựng mô hình sản xuất rau, rau an toàn hàng hóa chuyên canh:

6.2.2. Đầu tư đào tạo, tập huấn cho cán bộ, nông dân về sản xuất rau, RAT

Mở các lớp đào tạo, tập huấn về Kỹ thuật sản xuất rau an toàn và Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau quả tươi an toàn tại Việt Nam (VietGAP) cho đối tượng là cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, nông dân trực tiếp sản xuất... và tổ chức thăm quan học tập trong và ngoài tỉnh về các mô hình sản xuất rau, rau an toàn.

6.3. Giải pháp về thị trường tiêu thụ và xúc tiến thương mại

6.3.1. Các giải pháp về thị trường tiêu thụ

- Xác định các thị trường tiêu thụ chủ yếu của rau, rau an toàn, từng bước xây dựng chiến lược khai thác và mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Nâng cao khả năng đáp ứng các yêu cầu của thị trường về: giá cả, chất lượng, số lượng và sự đa dạng về chủng loại rau, rau an toàn của vùng quy hoạch.

- Hỗ trợ các mô hình kinh tế hợp tác, liên kết 4 nhà theo các hình thức khác nhau để tạo mối liên kết chặt chẽ giữa người sản xuất và người tiêu thụ, tạo đầu ra ổn định cho rau an toàn trên địa bàn vùng quy hoạch.

- Hỗ trợ thành lập các HTX, phát huy vai trò của các HTX trong việc tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho các hộ nông dân.

- Củng cố và xây dựng các chợ đầu mối để tiêu thụ sản phẩm rau, RAT của vùng quy hoạch.

- Xây dựng mạng lưới tiêu thụ rau trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn thông qua các siêu thị, cửa hàng hoặc quầy hàng chuyên kinh doanh rau quả.

6.3.2. Xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại về rau an toàn cho các vùng quy hoạch.

- Phát triển các mô hình liên kết, hợp tác như sau: Mô hình hợp tác xã sản xuất và dịch vụ thương mại của các xã, phường trên địa bàn vùng quy hoạch; Thành lập các hiệp hội sản xuất rau an toàn của từng vùng quy hoạch hoặc của toàn huyện và toàn tỉnh; Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, công ty có mong muốn tham gia vào việc liên kết giữa sản xuất, tiêu thụ và công bố chất lượng sản phẩm.

- Các hoạt động xúc tiến thương mại bao gồm:

+ Tuyên truyền, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, internet..) về tình hình sản xuất và tác dụng của tiêu dùng sản phẩm rau an toàn, góp phần thúc đẩy tiêu thụ phát triển.

+ Tham gia các tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại về rau an toàn trong và ngoài tỉnh để tạo cơ hội cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh giới thiệu về các sản phẩm của mình với người tiêu dùng, đồng thời là cầu nối giúp người sản xuất và người kinh doanh có cơ hội gặp nhau.

+ Hội thảo, hội nghị khách hàng để tạo cơ hội trao đổi giữa người sản xuất, người kinh doanh và các nhà quản lý, học tập kinh nghiệm phát triển sản xuất và tiêu thụ rau an toàn.

6.4. Giải pháp quản lý chất lượng sản phẩm rau an toàn

- Ban hành các văn bản, quản lý sản xuất và kinh doanh rau an toàn trên địa bàn tỉnh: cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện và chứng nhận VietGAP cho sản xuất, chế biến và kinh doanh RAT (do Sở Nông nghiệp & PTNT thực hiện); cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện chế biến RAT (do Sở Y tế thực hiện); cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh RAT (do Sở Công thương thực hiện).

- Đầu tư cho kiểm tra, giám sát, cấp giấy chứng nhận sản phẩm RAT để tăng cường công tác quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm rau khi sản xuất ra phục vụ nhu cầu tiêu dùng hàng ngày của nhân dân.

6.5. Giải pháp về cơ chế, chính sách

6.5.1. Chính sách hỗ trợ sản xuất, sơ chế và kinh doanh rau an toàn

- Ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng cho các vùng quy hoạch sản xuất rau an toàn bao gồm:

+ Đầu tư 50% kinh phí cho hệ thống thủy lợi (tưới, tiêu tại các vùng RAT); hệ thống đường điện; đường giao thông nội đồng; bể chứa vỏ bao bì thuốc BVTV.

+ Hỗ trợ 50% cho xây dựng nhà lưới; nhà sơ chế và giới thiệu sản phẩm và các công trình phụ trợ theo quy hoạch được duyệt.

- Hỗ trợ các mô hình sản xuất và chuyển giao TBKT mới bao gồm:

+ Hỗ trợ 100% chi phí lập dự án chi tiết, 100% chi phí phân tích đất, nước và chất lượng sản phẩm.

+ Hỗ trợ 100% kinh phí thuê tư vấn, chuyển giao KHKT, công cán bộ cơ sở chỉ đạo mô hình

+ Hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng, cải tạo hạ tầng cơ sở cho sản xuất

+ Hỗ trợ 100% cho công tác tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội nghị đầu bờ và công chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công tác giám sát, kiểm tra...

- Hỗ trợ xây dựng thị trường và xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm rau an toàn.

+ Chính sách hỗ trợ xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại: Hỗ trợ 100% kinh phí cho cơ sở đăng ký, cấp mới về tiêu chuẩn vùng sản xuất rau an toàn trong lần đầu, 50% kinh phí cho cấp lại; hỗ trợ 100% kinh phí đăng ký mã số, mã vạch và kinh phí quảng bá, xây dựng thương hiệu; hỗ trợ 100% kinh phí cho các hoạt động xúc tiến thương mại: Tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, in ấn tờ rơi, tài liệu tuyên truyền; hội thảo, tham quan, hội nghị khách hàng, hội thi sản xuất giỏi.

+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí cho: xây dựng hệ thống tiêu thụ rau an toàn (thuê gian hàng, cửa hàng bán rau an toàn tại các chợ, khu dân cư ở các địa phương) và tham gia hội chợ.

6.5.2. Chính sách về chuyển dịch cơ cấu cây trồng sang sản xuất rau, rau an toàn

- Khuyến khích các hộ nông dân dồn điền, đổi thửa, chuyển đổi cơ cấu cây trồng (trên cơ sở tự nguyện) để phát triển thành vùng sản xuất rau, rau an toàn tập trung, chuyên canh trên phạm vi vùng quy hoạch.

- Chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất rau, rau an toàn trên địa bàn tỉnh: bằng cách tạo điều kiện về đất đai (trên phạm vi vùng quy hoạch) và được hưởng các ưu đãi đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh rau an toàn theo quy định của quy hoạch.

6.6. Giải pháp về vốn đầu tư thực hiện quy hoạch

Nguồn vốn này được huy động từ các chương trình, dự án sử dụng ngân sách Trung ương; ngân sách trong tỉnh (từ các Sở, ngành có liên quan) và ngân sách của địa phương (huyện, xã...) tập trung, lồng ghép đầu tư phát triển sản xuất RAT trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn được huy động như sau:

6.6.1. Nguồn vốn ngân sách trung ương

- Nguồn vốn được khai thác từ các chương trình, dự án của trung ương đầu tư phát triển sản xuất rau, rau an toàn trên địa bàn tỉnh như:

+ Chương trình khuyến nông; chương trình nông thôn miền núi; chương trình phát triển khoa học công nghệ... của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Khoa học Công Nghệ. Triển khai thực hiện các chương trình ứng dụng khoa học công nghệ mới về phát triển rau an toàn trên địa bàn tỉnh.

+ Vốn vay ODA của chính phủ phục vụ cho phát triển nông nghiệp nông thôn, trong đó tập trung cho xây dựng cơ sở hạ tầng của vùng quy hoạch...

6.6.2. Nguồn vốn ngân sách trong tỉnh:

- Tập trung đầu tư cho công tác cải tạo và hoàn thiện cơ sở hạ tầng trên địa bàn vùng quy hoạch.

- Đầu tư hỗ trợ công tác tuyên truyền và hỗ trợ người sản xuất thực hiện phát triển rau an toàn trên địa bàn tỉnh.

6.6.3. Nguồn vốn huy động khác:

Vốn khác được huy động từ nguồn vốn tự có của người nông dân và các doanh nghiệp trong và ngoài nước có điều kiện, mong muốn đầu tư vào sản xuất và rau an toàn.

7. Hiệu quả của dự án

7.1. Về kinh tế

Tổng diện tích gieo trồng rau, rau an toàn và rau bản địa tỉnh Bắc Kạn đến năm 2015 là 1.955 ha, sản lượng ước đạt 31.450, giá trị đạt trên 252 tỷ đồng/năm; đến năm 2020 diện tích gieo trồng rau ổn định là 2.462 ha, sản lượng ước đạt 42.125 tấn, giá trị 337 tỷ đồng/năm. Đây là một trong những chỉ tiêu quan trọng của ngành trồng trọt đối với việc phát triển kinh tế nông nghiệp ở Bắc Kạn trong điều kiện đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, hiệu quả trồng trọt không cao và luôn gặp nhiều rủi ro, cũng như đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thực phẩm rau xanh ngày càng cao hơn - đa dạng hơn và chất lượng hơn.

7.2. Về xã hội

- Tạo điều kiện để phát triển một nghề ở nông thôn (sản xuất hàng hóa) có khả năng thu hút tạo thêm hàng ngàn lao động ở nông thôn đã góp phần tạo công ăn việc làm ổn định, giảm bớt áp lực di chuyển lao động thất nghiệp từ nông thôn ra thành thị.

- Phát triển kinh tế nông nghiệp thông qua sản xuất rau, góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập cho nông hộ và chủ động sản xuất nguồn rau xanh tại chỗ, giảm bớt sự phụ thuộc mua từ tỉnh ngoài đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho sức khỏe của cộng đồng.

7.3. Về môi trường

- Các vùng trồng rau, rau an toàn tập trung được quy hoạch và đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng đảm bảo cho sản xuất bền vững.

- Sản xuất rau an toàn được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đảm bảo sức khỏe cho cộng đồng và toàn xã hội.

- Nhận thức về bảo vệ môi trường của người sản xuất và tất cả người dân được tăng cường thông qua tuyên truyền, kiểm tra và áp dụng các chế tài xử lý vi phạm phù hợp.

8. Vốn đầu tư

Tổng nhu cầu vốn đầu tư thực hiện dự án quy hoạch 90,00 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2011-2015: 56,040 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2016-2020: 33,960 tỷ đồng.

Nguồn vốn: Nguồn vốn ngân sách, vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân, vốn đóng góp của dân, vốn khác.

9. Tổ chức thực hiện

9.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan công bố quy hoạch, theo dõi, đôn đốc thực hiện quy hoạch; tổ chức đánh giá định kỳ việc thực hiện quy hoạch và chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh quy hoạch trong trường hợp cần thiết.

- Xây dựng các đề án, kế hoạch triển khai thực hiện mục tiêu và các nội dung của quy hoạch. Chịu trách nhiệm làm đầu mối, chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành có liên quan trong việc quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân đầu tư, mở rộng, phát triển sản xuất rau, rau an toàn trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với quy hoạch, đúng quy định của pháp luật.

9.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt các dự án xây dựng vùng sản xuất rau, rau an toàn; cân đối, bố trí vốn từ ngân sách Nhà nước, các nguồn vốn khác và hoàn thiện các chính sách về đầu tư, thuế để thực hiện có hiệu quả những nội dung của quy hoạch.

9.3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thị xã bố trí quỹ đất quy hoạch sản xuất rau, rau an toàn, hướng dẫn các chính sách về đất đai cho các tổ chức, cá nhân thuê phát triển vùng sản xuất rau, rau an toàn.

9.4. Sở Y tế:

Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện công tác vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) tại các cơ sở chế biến, kinh doanh rau an toàn; xây dựng, thực hiện chương trình thông tin - truyền thông - giáo dục VSATTP; kiểm tra, thanh tra về VSATTP; kiểm soát ô nhiễm vi sinh vật và tồn dư hóa chất trong thực phẩm lưu thông trên thị trường.

9.5. Sở Công thương:

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và PTNT và các ngành có liên quan kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh doanh thực phẩm trên thị trường, nhất là các sản phẩm rau, rau an toàn; thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, tiêu thụ các sản phẩm rau, rau an toàn cho người dân.

9.6. UBND các huyện, thị xã:

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng kiểm tra, hướng dẫn, giám sát các tổ chức, cá nhân đầu tư, mở rộng, phát triển sản xuất rau, rau an toàn trên địa bàn tỉnh bảo đảm theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.

- Chỉ đạo chính quyền các xã, phường, thị trấn tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về sản xuất rau, rau an toàn tại cơ sở. Xử

lý nghiêm minh, đúng quy định các vi phạm pháp luật về mất vệ sinh an toàn thực phẩm theo thẩm quyền đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm tại địa phương.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm phối hợp với UBND các huyện, thị xã trong vùng quy hoạch và các ngành có liên quan tổ chức thực hiện theo đúng nội dung quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 11/7/2013 của UBND tỉnh Bắc Kạn.

Các ông, bà, Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu VT, KTTH-NLN.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nông Văn Chí

